

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày: 30/7/2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Đào.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Vần.

Bà Lê Thị Phương Thuận.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 12, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2025/TLST-DSST ngày 10/3/2025 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-DS ngày 14/7/2025 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank). Địa chỉ trụ sở: Số 2 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: Khu Thống Nhất, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Anh Đức – Chức vụ: Giám đốc Agribank chi nhánh Cẩm Giàng - Hải Dương.

Người được ủy quyền lại: ông Mai Ngọc Sơn – Trưởng phòng khách hàng.

- Bị đơn: Bà Vũ Thị Q, sinh năm 1974 và ông Trần Trọng K, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn ĐK, xã LĐ, huyện CG, tỉnh HD (nay thôn ĐK, xã CG, thành phố HP).

Vắng mặt: Bà Q, ông K, ông S.

Đều có yêu cầu xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 04/03/2013 Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) và bà Vũ Thị Q, ông Trần Trọng K có ký hợp đồng tín dụng số 2306LA201300338 (kèm theo sổ vay vốn số BH 023855) với nội dung: Ngân hàng cho Bà Q ông K vay với số tiền 50.000.000đ, mục đích vay vốn: Xây lán xưởng và mua máy làm mộc. Thời hạn vay 24 tháng. Lãi suất 13%/năm, trả lãi theo 06 tháng, kỳ trả nợ làm 02 kỳ cụ thể: Ngày 04/3/2014 trả 10.000.000đ, ngày 04/3/2015 trả số tiền 40.000.000đ. Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền cho ông K Bà Q. Quá trình thực hiện hợp đồng ông K Bà Q thanh toán nợ cho Ngân hàng làm nhiều lần. Tính đến ngày 25/12/2020 ông bà đã trả được số tiền 42.558.125đ (trong đó nợ gốc là: 24.700.000đ và tiền lãi là 17.858.125đ). Ông bà Khiển Quyên vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng đều không có kết quả. Do vậy Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 12, thành phố Hải Phòng giải quyết buộc: Ông K Bà Q phải thanh toán trả nợ Ngân hàng tính đến ngày 28/02/2025 là **30.623.484đ**, trong đó tiền gốc là 25.300.000đ, tiền lãi là 5.323.484đ. Buộc ông K Bà Q tiếp tục phải chịu lãi suất 4,86% từ ngày 28/02/2025 đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Quan điểm của bị đơn bà Vũ Thị Q trình bày: Bà thừa nhận ngày 04/3/2013 bà và ông K có ký kết hợp đồng tín dụng số 2306LA201300338 với Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam. Vợ chồng bà vay Ngân hàng với số tiền 50.000.000đ, mục đích vay để xây lán và mua máy làm mộc. Ông bà đã nhận đủ số tiền vay và sử dụng đúng mục đích. Quá trình thực hiện hợp đồng ông bà cũng đã thanh toán được một số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Tuy nhiên, do thời gian gần đây làm ăn khó khăn, ông bà kinh doanh thua lỗ, bản thân bệnh tật nên không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng. Ngân hàng khởi kiện bà hoàn toàn nhất trí. Bà xác định: Vợ chồng còn nợ Ngân hàng số tiền tính đến ngày 28/02/2025 là **30.623.484đ**, trong đó tiền gốc là 25.300.000đ, tiền lãi là 5.323.484đ. Bà đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng bà thanh toán số tiền nợ trên là 03 đợt: Đợt 01 vào ngày 17/8/2025 thanh toán 10.000.000đ; Đợt 02 vào ngày 17/9/2025 thanh toán 10.000.000đ; Đợt 03 vào ngày 25/10/2025 thanh toán số tiền còn lại 5.300.000đ. Bà đề xuất Ngân hàng miễn lãi cho vợ chồng bà vì kinh tế khó khăn, việc thanh toán được tiền gốc đã là nỗ lực, phấn đấu của cả gia đình.

Khi ký hợp đồng tín dụng vào năm 2013 vợ chồng bà không phải thế chấp bất kỳ tài sản gì để đảm bảo cho khoản vay trên. Hiện nay bà làm công nhân nên việc xin nghỉ rất khó khăn, bà đề nghị Tòa án cho phép bà vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Trần Trọng K trình bày: Ông là chồng bà Vũ Thị Q, ông xác định: Vợ chồng ông có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, số tiền vợ chồng ông vay là 50.000.000đ như Bà Q trình bày là chính xác. Quá trình thực hiện hợp đồng ông bà đã sử dụng vốn vay đúng mục đích. Đến hạn thanh toán, ông bà không trả được nợ cho Ngân hàng là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ chồng bệnh tật. Tuy nhiên, thời gian gần đây nhất cán bộ Ngân hàng đã đến nhà ông yêu cầu thanh toán nợ và có nói lại với ông về khoản nợ. Ngân hàng xác định vợ chồng ông chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền 15.500.000đ, không phải là **30.623.484đ** như đơn khởi kiện. Tòa án yêu cầu ông xuất trình những tài liệu chứng cứ chứng minh vợ chồng ông đã thanh toán cho Ngân hàng để khoản nợ còn lại chỉ là 15.500.000đ, ông không cung cấp được. Ông cũng từ chối đối chất với Ngân hàng tại Tòa và từ chối không đến Tòa án làm việc để làm rõ số tiền nợ nêu trên. Ông đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập được để giải quyết vụ án và xin phép vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng thông qua ý kiến ngày 29/7/2025 nguyên đơn xác định: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời xác định khoản nợ của ông K Bà Q tính đến ngày 30/7/2025 là **31.135.528đ** bao gồm nợ gốc 25.300.000đ, nợ lãi là 5.835.528đ. Lãi suất áp dụng cho gia đình ông K Bà Q là 4,86%/năm theo Công văn số 12333 ngày 29/12/2021 của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam. Về phương thức thanh toán nợ mà Bà Q đưa ra, Ngân hàng hoàn toàn nhất trí. Tuy nhiên, đối với khoản tiền lãi Bà Q đề nghị miễn, Ngân hàng không nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về án phí. Ngân hàng không tự nguyện chịu thay bị đơn mà đề nghị giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của BLTTDS; bị đơn không chấp hành yêu cầu triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án áp dụng: Điều 117; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Agribank, buộc ông Trần Trọng K và bà Vũ Thị Q phải trả cho Ngân hàng Agribank tạm tính đến ngày xét xử số tiền nợ gốc: 25.300.000 đồng và nợ lãi theo mức lãi suất 4,86%/năm theo văn bản số 12333/NHNo-TD ngày 29-12-2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Agribank.

- Ông K, Bà Q tiếp tục phải trả cho ngân hàng AgriBank khoản nợ lãi theo mức lãi suất được Ngân hàng Agribank áp dụng theo văn bản số 12333/NHNo-TD ngày 29/12/2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Agribank là 4,86%/năm kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

- Trong trường hợp ông K, Bà Q không trả nợ, Ngân hàng Agribank được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu ông K, Bà Q thi hành án theo quy định.

Về án phí: Bị đơn ông K, Bà Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về tố tụng:

+. Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện bà Vũ Thị Q , ông Trần Trọng K về việc thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng. Bị đơn cư trú tại xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng nên Toà án nhân dân khu vực 12, thành phố Hải Phòng thụ lý là đúng thẩm quyền.

+. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, người vắng mặt đã có ý kiến xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX tiếp tục xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn HĐXX đánh giá.* Đối với hợp đồng tín dụng số 2306LA201300338 (kèm theo sổ vay vốn số BH 023855) được nguyên đơn và bị đơn ký kết ngày 04/03/2013. Ngân hàng và vợ chồng ông K, Bà Q trình bày thống nhất với nhau về số tiền vay 50.000.000đ, bên vay đã nhận đủ tiền và sử dụng tiền đúng mục đích, lãi suất cho vay là 13%/năm, thời hạn vay là 24 tháng. Trên cơ sở lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có căn cứ xác định: Hợp đồng tín dụng được ký kết trên cơ sở tự nguyện, các bên tham gia đều có đủ năng lực trách nhiệm dân sự, số tiền vay đã

được bàn giao cho người vay đúng hạn nên hợp đồng có giá trị pháp lý, buộc các bên tham gia ký kết phải có trách nhiệm thực hiện.

Đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán. Tính đến ngày 30/7/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền **31.135.528đ** bao gồm nợ gốc 25.300.000đ, nợ lãi là 5.835.528đ. Bị đơn bà Vũ Thị Q đồng ý thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên cho Ngân hàng. Bị đơn ông Trần Trọng K xác định, vợ chồng ông chỉ còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 15.500.000đ. Tòa án đã yêu cầu ông cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh, đồng thời đối chất với Ngân hàng nhưng ông đều từ chối. Do vậy, HĐXX sẽ căn cứ vào những tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xem xét đánh giá số tiền vay. Trong năm 2023 và năm 2024 Ngân hàng đã trực tiếp thiết lập biên bản làm việc với ông tại gia đình. Nội dung các biên bản đều thể hiện rõ số tiền vợ chồng ông còn nợ tiền gốc đối với Ngân hàng là 25.300.000đ, không có biên bản nào xác định số nợ còn lại như ông trình bày. Ông khẳng định lần cuối ông thanh toán nợ cho Ngân hàng là 4.000.000đ vào năm 2020. Đối chiếu với chứng từ Ngân hàng cung cấp thì lần cuối gia đình nộp tiền trả nợ Ngân hàng là năm 2020. Ngoài ra, ông bà không thanh toán được khoản tiền nào khác nên HĐXX không có căn cứ chấp nhận quan điểm của ông về khoản tiền nợ.

Đối với phương thức thanh toán số tiền nợ gốc: Bị đơn bà Vũ Thị Q đề xuất phương án thanh toán nợ là 03 đợt: Đợt 01 vợ chồng bà thanh toán số tiền 10.000.000đ vào ngày 17/8/2025. Đợt 02 vợ chồng bà thanh toán số tiền 10.000.000đ vào ngày 17/9/2025. Đợt 03 vợ chồng bà thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 5.300.000đ vào ngày 25/10/2025. Ngân hàng nhất trí với phương thức thanh toán số tiền nợ gốc nêu trên. Xét đề xuất của bị đơn, được nguyên đơn chấp nhận là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận phương thức thanh toán số tiền nợ gốc nêu trên. Trường hợp vợ chồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán vào ngày 17/8/2025 thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền buộc vợ chồng bị đơn phải thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc và lãi.

Đối với số tiền lãi tính đến ngày 30/7/2025 là: 5.835.528đ. Bị đơn Bà Q đề nghị Ngân hàng miễn lãi vì gia đình hoàn cảnh khó khăn. Ngân hàng không nhất trí. HĐXX đánh giá, tại hợp đồng tín dụng và sổ vay vốn Ngân hàng hai bên có thỏa thuận về lãi suất. Mức lãi suất thỏa thuận là 13%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thanh toán một khoản tiền lãi nhất định cho Ngân hàng. Như vậy, có căn cứ để HĐXX xác định hợp đồng tín dụng được hai bên ký kết có thỏa thuận về lãi suất. Bị đơn đề xuất miễn lãi nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Căn cứ quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng, HĐXX không có

căn cứ chấp nhận yêu cầu miễn lãi của bị đơn nên bị đơn vẫn phải thực hiện nghĩa vụ trả lãi theo thỏa thuận và có trách nhiệm thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng.

Đối với mức lãi suất áp dụng: Để tạo điều kiện cho ông K, Bà Q có khả năng thanh toán nợ, Ngân hàng Agribank áp dụng văn bản số 12333/NHNo-TD ngày 29/12/2021 của Tổng Giám đốc Agribank thực hiện giảm lãi cho khoản vay ông bà từ 13%/năm xuống mức lãi suất là 4,86%/năm kể từ thời điểm vay vốn nên số tiền lãi trong hạn mới là 5.835.528đ, không tính lãi quá hạn. Mức lãi suất này được Ngân hàng áp dụng từ thời điểm vay (*không tính phần tiền gốc và tiền lãi đã trả*) cho đến khi vợ chồng ông bà thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng là đúng quy định nên được HĐXX chấp nhận.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 116; Điều 117; Điều 118; Điều 119; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 227; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật đất đai năm 2003; Văn bản số 12333/NHNo-TD ngày 29/12/2021 của Ngân hàng Agribank; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Xử. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam. Xử:

[1]. Buộc ông Trần Trọng K và bà Vũ Thị Q phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam tính đến ngày 30/7/2025 là **31.135.528** đồng bao gồm nợ gốc 25.300.000 đồng, nợ lãi là 5.835.528 đồng.

[1.1]. Phương thức thanh toán nợ gốc: Ngày 17/8/2025 ông K Bà Q thanh toán số tiền 10.000.000đ. Ngày 17/9/2025 ông K Bà Q thanh toán số tiền 10.000.000đ. Ngày 25/10/2025 thanh toán ông K Bà Q số tiền gốc còn lại là 5.300.000đ.

[1.2]. Đối với số tiền nợ lãi: Buộc ông K Bà Q phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi là 5.835.528đ và lãi phát sinh sau ngày 30/7/2025 cho Ngân hàng vào ngày 25/10/2025.

Trường hợp ông K Bà Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán một lần thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền buộc ông K Bà Q phải có trách nhiệm thanh toán 01 lần đối với số tiền chưa thanh toán.

Kể từ ngày 31/7/2025, ông K, Bà Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam áp dụng theo văn bản số 12333/NHNo-

TD ngày 29-12-2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Agribank là 4,86%/năm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Trần Trọng K và bà Vũ Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.556.776đ.

Hoàn trả Ngân hàng Agribank số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 760.000đ theo biên lai thu số 0007400 ngày 10/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 12- Hải Phòng.
- Thi hành án dân sự TP. Hải Phòng.
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào